BÀN VỀ CƠ SỞ CỦA TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

TRẦN HỮU TRÁNG*

Một trong những vấn đề quan trọng trong khoa học Luật hình sự là vấn đề cơ sở của trách nhiệm hình sự (TNHS). Lý giải cho vấn đề này chính là làm rõ các cơ sở để Nhà nước (thông qua người, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng) có thể buộc cá nhân hoặc pháp nhân thương mại (PNTM) phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của họ và áp dụng cho họ các chế tài làm hạn chế hay tước bỏ các quyền và lợi ích của họ. Việc nhận thức đúng đắn cơ sở của TNHS giúp cho việc bảo đảm đầy đủ cơ sở để truy cứu TNHS; bảo đảm truy cứu TNHS đúng người, đúng tội, tránh bỏ lọt tội phạm cũng như làm oan người vô tội.

Từ khóa: Trách nhiệm hình sự, cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn.

Ngày nhận bài: 02/12/2021; Biên tập xong: 12/12/2021; Duyệt đăng: 15/12/2021

One of the important issues in criminal law is the basic of criminal liability. Its purpose is to clarify the legal grounds so that the State (through persons or procedure-conducting agencies) can force individuals or commercial entities to be criminally responsible and impose on them sanctions that limit or deprive them of their rights and interests. The correct perception of the basis of criminal liability helps to ensure a sufficient basis for the criminal prosecution; ensure criminal prosecution of the right person, the right crime, avoid omitting criminals and unjustly harming innocent people.

Keyword: Criminal liability, legal grounds, practical basis.

1. Cơ sở của trách nhiệm hình sự

Những nghiên cứu về cơ sở của trách nhiệm hình sự đã và đang thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học. Quan điểm phổ biến hiện nay cho rằng, cơ sở của TNHS thường nhấn mạnh cơ sở pháp lý của TNHS, như "*Cấu thành tội phạm là cơ sở của TNHS*"[1], là "*…sự hiện diện của tất cả những dấu hiệu do luật định về tội phạm*"[2].

Quan điểm khác cho rằng: "Cơ sở của TNHS là tội phạm (tức hành vi nguy hiểm cho xã hội chứa đựng các yếu tố của cấu thành tội phạm)"[3]. Có thể hiểu đây là quan điểm tiếp cận TNHS từ cơ sở thực tiễn, tuy nhiên cách diễn đạt chưa thật rõ. Cũng có quan điểm xác định cơ sở của TNHS bao gồm cả cơ sở khách quan, cơ sở hình thức và cơ sở pháp lý của TNHS[4]. Như vậy, có thể thấy, vấn đề cơ sở của TNHS đến nay vẫn là vấn đề còn nhiều tranh luận cần được lý giải cặn kẽ hơn.

Theo chúng tôi, để lý giải về cơ sở của TNHS, cần xem xét đến cơ sở xã hội, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của TNHS.

1.1. Cơ sở xã hội của trách nhiệm hình sự

Triết học Mác – Lênin đã chỉ rõ: "*Con người vừa là hiện thân, vừa là hạt nhân của sự thống nhất biện chứng giữa xã hội và tự nhiên*"[5]. Con người "*…do bản tính, nếu*

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam*, Tập 1, Nxb. Công an nhân dân, 2019, tr. 268

[2] Đào Trí Úc (Chủ biên), *Mô hình lý luận về Bộ luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr.43

[3] Trần Văn Độ, *Tội phạm và cấu thành tội phạm (chương VI, sách Tội phạm học, Luật Hình sự và Luật Tố tụng hình sự Việt Nam (Đào Trí Úc chủ biên)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 182

**** Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng Khoa Luật, Trường Đại học Mở Hà Nội***

[4] Lê Cảm, *Cơ sở, điều kiện của trách nhiệm hình sự và định hướng hoàn thiện*, Tạp chí Kiểm sát số 6/2020, tr. 25-36, 42

[5] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn Giáo trình Quốc gia các môn khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Triết học Mác – Lênin (Tái bản*

không phải là một động vật chính trị như Arixtốt nói, thì dẫu sao cũng là một động vật xã hội"[6]. Con người chỉ có thể trở thành Con người đích thực (Homo sapiens) khi được sống trong môi trường xã hội[7]. C. Mác viết "*Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những mối quan hệ xã hội*"[8]. Từ những khẳng định này cho thấy sự tất yếu trong mối quan hệ giữa con người và xã hội. Mỗi con người luôn phải tồn tại trong một xã hội. Theo C. Mác, "*Xã hội không phải gồm các cá nhân, mà xã hội biểu hiện tổng số những mối liên hệ và những quan hệ của các cá nhân đối với nhau*"[9]. Xã hội "*Là sản phẩm của sự tác động qua lại giữa những con người*"[10]. Sống trong xã hội, mỗi con người, mặc dù có sự khác biệt về nhu cầu, lợi ích, nhưng họ luôn phải tuân thủ những quy tắc, trật tự nhất định của xã hội để bảo đảm duy trì một trật tự xã hội, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho mỗi thành viên và cả cộng đồng[11]. Để duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bất kỳ xã hội nào cũng cần một cơ chế để kiểm soát các mối quan hệ giữa các cá nhân trong xã hội với nhau, thông qua đó, buộc các cá nhân phải chịu trách nhiệm đối với các hành vi gây thiệt hại cho người khác, gây thiệt hại cho xã hội. Nhà nước chính là một thiết chế hữu hiệu nhằm giữ cho các xung đột trong xã hội diễn ra trong vòng "*trật tự*"[12] nhất định và Nhà nước cũng chính là tổ chức, với gốc quyền lực từ người dân, có quyền buộc một cá nhân, tổ chức phải chịu trách nhiệm vì đã có hành vi xâm phạm lợi ích của cá nhân, tổ chức khác trong xã hội. Nhà nước được xã hội trao cho đặc quyền đại diện cho xã hội, cho cộng đồng áp dụng các chế tài, trong đó có hình phạt, đối với các hành vi xâm phạm đến lợi ích của cá nhân, tổ chức khác. Hình phạt được áp dụng như là sự phản ứng của xã hội, là biện pháp trách nhiệm đối với người phạm tội và tất nhiên nó chỉ được áp dụng khi không còn biện pháp xử phạt nào khác phù hợp hơn (Ultima ratio)[13]. Lịch sử loài người đã minh chứng cho sự tồn tại tất yếu của pháp luật hình sự và sự cần thiết không thể phủ nhận của nó đối với sự chung sống thịnh vượng của loài người[14].

Triết lý cho phép Nhà nước được quyền buộc các chủ thể vi phạm phải chịu trách nhiệm đối với hành vi phạm tội chính là vì chủ thể đã thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm đến lợi ích của cá nhân, tổ chức khác trong xã hội, xâm phạm đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đe dọa cuộc sống chung của mọi người trong xã hội. Pháp luật hình sự chính là công cụ hữu hiệu để duy trì và bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ "*quyền sống, quyền tự do và an toàn cá nhân*" của các thành viên trong xã hội[15]. Nhà nước với bản chất là đại diện cho mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội, có nghĩa vụ bảo đảm cho mọi cá

---

có sửa chữa, bổ sung), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 396

6 V.I. Lênin, Toàn tập, Tập 29. Nxb. Tiến bộ, Matxcova, 1981, tr. 175

7 Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn Giáo trình Quốc gia các môn khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, sđd, tr. 397, 398

8 C. Mác và Ph. Ăngghen, Toàn tập, Tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.11

9 C. Mác và Ph. Ăngghen, Toàn tập, Tập 46, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.355

10 C. Mác và Ph. Ăngghen, Toàn tập, Tập 27, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.657

11 Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2019, tr. 55

12 C. Mác và Ph. Ăngghen, Tuyển tập, Tập 6, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1984, tr.260

13 Urs Kindhäuser, Strafrecht Allgemainer Teil, Nomos Verlagsgesellschaft, Baden-Baden, Germany, 7. Auflage, 2015, tr.38

14 Johannes Wessels/ Werner Beulke, Strafrecht Allgemeiner Teil, 44 Auflage, C.F. Müller Verlag Heidelberg, 2014, tr. 2

15 Article 3, Universal Declaration of Human Rights. Nguồn: https://www.un.org/en/universal-declaration-human-rights/

nhân, tổ chức được sống trong một môi trường an ninh, trật tự; tất cả mọi cá nhân, tổ chức trong xã hội được bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp. Bất kỳ hành vi nào xâm phạm đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong xã hội đều buộc phải chịu trách nhiệm cho hành vi của mình.

Từ sự phân tích trên, có thể định nghĩa: *Cơ sở xã hội của TNHS chính là sự cần thiết phải duy trì và bảo vệ đời sống chung của mọi thành viên trong xã hội, ngăn ngừa các hành vi gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể cho các quyền và lợi ích của cá nhân, tổ chức được Nhà nước bảo vệ, xâm phạm an ninh, trật tự, an toàn xã hội.*

1.2. Cơ sở pháp lý của trách nhiệm hình sự

Nói đến cơ sở pháp lý của TNHS chính là nói đến nguyên tắc: "*Nullum crimen, nulla poena sine lege scripta*" (Không có tội, không có hình phạt khi chưa có luật)[16]. Nguyên tắc này đã được Bộ luật Hình sự Cộng hòa Liên bang (CHLB) Đức quy định rất rõ ngay tại Điều 1 với tên gọi: "*Keine Strafe ohne Gesetz*"[17]. Nội dung điều này nêu rõ: *Một hành vi chỉ có thể bị xử phạt nếu việc xử phạt đã được quy định rõ trong luật trước khi hành vi đó được thực hiện*[18]. Nguyên tắc này đòi hỏi muốn truy cứu TNHS một chủ thể phải dựa trên các quy định của Bộ luật Hình sự (BLHS). Một hành vi dù nguy hiểm đến đâu nhưng nếu chưa được quy định trong BLHS là một tội phạm thì không thể có cơ sở để truy cứu TNHS. Bàn về cơ sở pháp lý của TNHS, nhiều quan điểm khoa học đều thống nhất "*Cấu thành tội phạm được coi là cơ sở pháp lý và sự thỏa mãn cấu thành tội phạm là điều kiện cần và đủ của TNHS*"[19]. Tuy nhiên, theo chúng tôi việc xác định cấu thành tội phạm (CTTP) là cơ sở pháp lý của TNHS là chưa đầy đủ vì các lý do sau đây:

Thứ nhất, nếu hiểu CTTP là "*sự mô tả tội phạm trong luật*",... "*có thể được thể hiện ngay trong điều luật quy định tội phạm được mô tả hoặc có thể ở một điều luật khác được chỉ dẫn đến*" (tức là bao gồm tất cả các dấu hiệu không chỉ có trong quy định của từng tội danh trong "*Phần thứ hai: Các tội phạm*" của BLHS mà còn bao gồm tất cả các quy định ở "*Phần thứ nhất: Những quy định chung*", trong đó bao gồm cả các quy định về chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt[20]) là chưa đủ. Bởi vì, trong nhiều trường hợp, với những dấu hiệu mô tả trong các điều luật của BLHS là chưa đủ để xác định một hành vi có phải là hành vi phạm tội không và đó là tội gì. Trong các trường hợp này, các cơ quan có thẩm quyền bắt buộc phải ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng quy định của BLHS. Ví dụ, đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy (Điều 251 BLHS năm 2015), nếu chỉ căn cứ vào mô tả của CTTP trong BLHS, dẫn chiếu sang Luật Thương mại thì "*Mua bán hàng hóa là hoạt động thương mại, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao hàng, chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua và nhận thanh toán; bên mua có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán, nhận hàng và quyền sở hữu hàng hóa theo thỏa thuận*"[21]. Tuy nhiên, mua bán trái phép chất ma

---

[16] Johannes Wessels/ Werner Beulke, Strafrecht Allgemeiner Teil, Sđd, tr. 2 (Tạm dịch: Không có tội trước khi có luật)

[17] Tạm dịch: Không có hình phạt nếu không có luật

[18] Xem: § 1 Strafgesetzbuch, Verlag C.H. Beck oHG, 56. Auflage, München, 2018, tr.12

[19] Nguyễn Ngọc Hòa, *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, Nxb. Tư pháp, 2015, tr. 145; Lê Cảm, *Cơ sở, điều kiện của trách nhiệm hình sự và định hướng hoàn thiện*, Tạp chí Kiểm sát, số 06/2020, tr. 25-42 (30); Trịnh Tiến Việt, *Trách nhiệm hình sự và loại trừ trách nhiệm hình sự*, Nxb. Chính trị Quốc gia sự thật, 2019, tr. 48-58

[20] Nguyễn Ngọc Hòa, sđd, tr. 147 và các trang tiếp theo

[21] Khoản 8 Điều 3 Văn bản hợp nhất số 17/VBHN/VPQH ngày 05/7/2019 hợp nhất Luật Thương mại số 36/2005/QH11 với một số luật khác có liên quan

túy là trường hợp đặc biệt của mua bán hàng hóa nên để xử lý hành vi này, Bộ Công an đã ban hành Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BCA ngày 31/12/2015 hợp nhất Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 và Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015 (gọi tắt là Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BCA ngày 31/12/2015), trong đó, tại điểm 3.3 khoản 3 Phần II của Thông tư có đưa ra 07 dạng hành vi được coi là các hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Như vậy, rõ ràng nếu chỉ dựa vào mô tả của CTTP trong BLHS thì không thể coi các dạng hành vi như *"Mua chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác"*; *"Xin chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác"*,… (Tiết b, c Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BCA ngày 31/12/2015) là các dạng hành vi mua bán trái phép chất ma túy theo như mô tả trong CTTP của Điều 251 BLHS năm 2015. Điều đó có nghĩa là, muốn xác định một hành vi có thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu của một CTTP hay không cần phải dựa vào các quy định của BLHS và cả các văn bản hướng dẫn áp dụng BLHS.

Thứ hai, việc xác định một hành vi thỏa mãn đầy đủ dấu hiệu của một tội phạm cụ thể quy định trong BLHS không có nghĩa là hành vi đó luôn phải chịu TNHS. Thông thường, một hành vi thỏa mãn đầy đủ dấu hiệu của một CTTP thì sẽ phải chịu TNHS. Tuy nhiên, BLHS cũng quy định rõ một số trường hợp mặc dù hành vi thỏa mãn đầy đủ dấu hiệu của một CTTP cụ thể nhưng được miễn TNHS. Đó là các trường hợp: Miễn TNHS cho người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội về tội định phạm (Điều 16 BLHS năm 2015); Miễn TNHS theo Điều 29 BLHS năm 2015; Miễn TNHS cho người dưới 18 tuổi phạm tội và áp dụng biện pháp khiển trách, hòa giải tại cộng đồng hoặc biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn (từ Điều 92 đến Điều 95 BLHS năm 2015); Miễn TNHS cho người phạm tội trồng cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy theo khoản 4 Điều 247 BLHS năm 2015; Miễn TNHS cho người phạm tội đưa hối lộ thuộc đoạn 2 khoản 7 Điều 364 BLHS năm 2015; Miễn TNHS cho người phạm tội môi giới hối lộ thuộc khoản 6 Điều 365 BLHS năm 2015; Miễn TNHS cho người phạm tội không tố giác tội phạm theo khoản 2 Điều 390 BLHS năm 2015. Tất cả các trường hợp miễn TNHS nói trên đều dựa trên chính sách pháp luật hình sự nhân đạo và hướng thiện của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Cần phân biệt các trường hợp miễn TNHS với các trường hợp loại trừ TNHS. Các trường hợp miễn TNHS là những trường hợp hành vi đã thỏa mãn các yếu tố CTTP của một tội cụ thể trong BLHS, nhưng vì những lý do khác nhau và dựa trên chính sách nhân đạo và hướng thiện của pháp luật hình sự nên các trường hợp này được miễn TNHS. Còn các trường hợp loại trừ TNHS (quy định từ Điều 20 đến Điều 26 BLHS năm 2015) là những trường hợp có hành vi gây thiệt hại cho xã hội nhưng có căn cứ hợp pháp theo quy định của BLHS nên hành vi đó được loại trừ TNHS. Đây là các hành vi tuy về thực tế có gây ra thiệt hại cho xã hội, nhưng thuộc các trường hợp có căn cứ hợp pháp theo quy định của BLHS nên các hành vi này không phải là hành vi phạm tội. Nói cách khác, các nhà lập pháp đã hợp pháp hóa (cho phép chủ thể được thực hiện) các hành vi này.

Ngoài ra, khoản 2 Điều 8 BLHS cũng quy định: *"Những hành vi tuy có dấu hiệu của tội phạm nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể thì không phải là tội phạm…"*.

Từ những phân tích trên, có thể định nghĩa: *Cơ sở pháp lý của TNHS là tất cả các*

quy định của pháp luật hình sự, bao gồm các quy định trong BLHS và các quy định trong các văn bản hướng dẫn áp dụng BLHS, có liên quan đến việc xác định một hành vi có phải là tội phạm hay không và hành vi đó có bị truy cứu TNHS không.

1.3. Cơ sở thực tiễn của trách nhiệm hình sự

TNHS hiểu theo nghĩa là những hậu quả pháp lý bất lợi đối với người hoặc PNTM do đã thực hiện hành vi phạm tội[22]. Theo đó, TNHS chỉ phát sinh khi có sự kiện pháp lý là hành vi phạm tội do cá nhân hoặc PNTM thực hiện. Điều đó có nghĩa TNHS chỉ đặt ra khi một cá nhân, PNTM đã thực hiện một hành vi thỏa mãn tất cả các dấu hiệu của một tội phạm cụ thể được quy định trong PLHS (bao gồm cả quy định trong BLHS và quy định trong các văn bản hướng dẫn thi hành) và theo quy định của BLHS thì hành vi đó phải chịu TNHS. Nếu không có hành vi phạm tội của cá nhân hoặc PNTM được thực hiện trên thực tế thì vấn đề TNHS sẽ không bao giờ đặt ra. Sở dĩ như vậy là vì chỉ khi một cá nhân, PNTM thực hiện một hành vi phạm tội, mới xuất hiện nhu cầu cần sự phản ứng, sự lên án của xã hội đối với hành vi đó. Khi đó, sự phản ứng, sự lên án của xã hội chính là áp dụng TNHS đối với cá nhân hoặc PNTM đã thực hiện hành vi phạm tội.

Vấn đề đặt ra là khi nào thì một cá nhân, một PNTM được coi là thực hiện hành vi phạm tội và phải chịu TNHS về hành vi phạm tội của mình? Khoa học pháp lý từ trước đến nay ngoài trường hợp tự mình trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội đã thừa nhận các trường hợp đặc biệt sau:

- *Không hành động phạm tội* (còn gọi là thực hiện thông qua không hành động). Đây là những trường hợp mà chủ thể đã không thực hiện các "*xử sự tích cực*" cần thiết cho xã hội và có tính bắt buộc đối với chủ thể đó mặc dù có đủ điều kiện để thực hiện,[23] qua đó đã gây thiệt hại cho xã hội. Không hành động phạm tội là một dạng đặc biệt của hành vi phạm tội được thể hiện ở một số tội, trong đó có những tội chỉ được thực hiện bằng không hành động (như Điều 132 BLHS năm 2015, Điều 390 BLHS năm 2015,…), có những tội được thực hiện bằng cả hành động và không hành động (như Điều 123 BLHS năm 2015, Điều 134 BLHS năm 2015…).

- *Cố ý tác động đến một người khác để người khác thực hiện hành vi phạm tội nhưng người bị tác động lại không phải chịu TNHS*. Đây là một dạng đặc biệt của người thực hành trong đồng phạm[24]. Khoa học Luật hình sự CHLB Đức chia người thực hành trong đồng phạm thành 03 dạng: Người tự mình trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội (Unmittelbarer Täter), người thực thực hiện hành vi phạm tội gián tiếp thông qua một người khác (Mittelbarer Täter) và người đồng thực hành (Mittäter).[25] Trong đó các hình thức thực hiện hành vi ở dạng thứ hai và thứ ba được ghi nhận cụ thể tại Điều 25 BLHS với tên gọi Täterschaft (Người thực hành). BLHS hiện hành của Việt Nam không quy định các dạng thực hành này.

Cũng cần lưu ý: Một hành vi chỉ phải chịu TNHS nếu hành vi đó còn trong thời hiệu truy cứu TNHS. Một hành vi đã hết thời hiệu truy cứu TNHS thì chủ thể tội phạm sẽ không bị truy cứu TNHS nữa.

Từ sự phân tích trên, có thể định nghĩa: *Cơ sở thực tiễn của TNHS là việc thực hiện một hành vi phạm tội trên thực tế của cá*

---

[22] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Từ điển giải thích thuật ngữ luật học (Phần Luật hình sự)*, Nxb. Công an nhân dân, 2006, tr.126; Trịnh Tiến Việt, sđd, tr. 30

[23] Xem: Nguyễn Ngọc Hòa, sđd, tr. 95 - 97

[24] Xem thêm: Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam*, sđd, tr. 181

[25] Volker Krey, Deutsches Strafrecht Allgemeiner Teil, sđd, tr. 8

nhân hoặc PNTM (dưới dạng tự mình trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội hoặc cố ý tác động đến một người khác để người đó thực hiện hành vi phạm tội mà người này không phải chịu TNHS) và theo quy định của BLHS, hành vi phạm tội này không được miễn TNHS cũng như chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS.

2. Những hạn chế của Bộ luật Hình sự liên quan đến cơ sở của trách nhiệm hình sự

Nghiên cứu các quy định của BLHS hiện hành liên quan đến cơ sở của TNHS có thể thấy rõ một số hạn chế sau đây:

Thứ nhất, BLHS hiện hành chỉ có duy nhất có 01 điều luật là Điều 2 với tên gọi "*Cơ sở của trách nhiệm hình sự*". Theo phân tích ở trên thì nội dung của Điều 2 mới chỉ nêu được một phần rất nhỏ cơ sở pháp lý của TNHS.

Thứ hai, BLHS hiện hành hoàn toàn không có điều luật quy định về các dạng đặc biệt của việc thực hiện hành vi phạm tội, đó là trường hợp không hành động phạm tội và trường hợp thực hiện hành vi thông qua người khác (cố ý tác động đến người khác để người bị tác động thực hiện hành vi phạm tội nhưng người bị tác động lại không phải chịu TNHS). Đây là các trường hợp mới chỉ được giải quyết trong khoa học pháp lý mà chưa được luật hóa. Để truy cứu TNHS thì không thể dựa trên quan điểm khoa học mà phải căn cứ vào các quy định của BLHS.

Thứ ba, BLHS hiện hành chưa có quy định về các trường hợp thực hiện hành vi do sai lầm. Hiện nay vấn đề sai lầm cũng mới chỉ được giải quyết trong khoa học luật hình sự, bao gồm sai lầm về pháp luật, sai lầm về sự việc (gồm sai lầm về khách thể, về đối tượng, về quan hệ nhân quả và về công cụ, phương tiện phạm tội)[26]. Vấn đề xác định TNHS trong trường hợp sai lầm trong nhiều trường hợp là rất phức tạp, vì vậy không thể chỉ dựa vào lý luận của khoa học luật hình sự để giải quyết mà cần phải dựa trên quy định của BLHS mới có đầy đủ cơ sở pháp lý.

Thứ tư, vấn đề năng lực lỗi liên quan đến độ tuổi phải chịu TNHS và liên quan đến khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi là những cơ sở quan trọng của TNHS nhưng lại được quy định ở những phần khác nhau của BLHS là không bảo đảm tính logic của BLHS.

Thứ năm, vấn đề thời hiệu truy cứu TNHS và vấn đề miễn TNHS là những vấn đề luôn phải gắn với cơ sở của TNHS. Tuy nhiên, hiện nay hai vấn đề này lại quy định thành một chương riêng hoàn toàn không gắn với cơ sở của TNHS (Điều 2 BLHS năm 2015) là hoàn toàn không logic.

3. Mô hình hoàn thiện chế định liên quan đến cơ sở của trách nhiệm hình sự

Từ những hạn chế nêu trên, chúng tôi kiến nghị trong lần sửa đổi BLHS tới cần phải xây dựng một chương riêng với tên gọi:

"Chương … Cơ sở của trách nhiệm hình sự".

Trong Chương này cần có các điều luật cơ bản sau:

Điều … Không phải chịu trách nhiệm hình sự khi không có luật

Một hành vi chỉ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu hành vi đó đã được Bộ luật Hình sự quy định phải chịu trách nhiệm hình sự trước khi hành vi được thực hiện.

Điều … Thực hiện bằng không hành động

Người nào không hành động ngăn chặn một hậu quả mà hành vi không hành động đó thuộc cấu thành một tội phạm được quy định trong Bộ luật này thì chỉ bị xử phạt theo Luật này nếu họ có trách nhiệm (có nghĩa vụ) không để cho hậu quả đó xảy ra và có đủ điều kiện để ngăn chặn không để hậu quả xảy ra.

---

[26] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam*, sđd, tr. 156-158

Điều ... Thực hiện tội phạm qua một người khác

Người nào cố ý tác động đến một người khác để người này thực hiện một tội phạm mà người bị tác động không có năng lực lỗi thì phải chịu trách nhiệm hình sự như người thực hiện tội phạm.

Điều ... Không có năng lực lỗi

Người mà khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đủ mười bốn tuổi là người không có năng lực lỗi.

Người mà khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đang mắc bệnh tâm thần, một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì không có năng lực lỗi.

Người không có năng lực lỗi không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Điều ... Sai lầm về các tình tiết của hành vi

Người nào khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội thỏa mãn các dấu hiệu của một tội phạm được quy định trong Bộ luật này mà hiểu lầm rằng đây không phải là hành vi phạm tội thì người đó chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự nếu họ nhận thức được tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình.

Nếu khi thực hiện hành vi mà người thực hiện không nhận thức được việc thực hiện là không hợp pháp thì người đó không có lỗi nếu họ không thể tránh được sự sai lầm này. Nếu người thực hiện có thể tránh được sai lầm thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt có thể được giảm nhẹ./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, Toàn tập, Tập 27, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996;

2. C. Mác và Ph. Ăngghen, Toàn tập, Tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995;

3. C. Mác và Ph. Ăngghen, Toàn tập, Tập 46, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998;

4. C. Mác và Ph. Ăngghen, Tuyển tập, Tập 6, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1984;

5. Lê Cảm, *Cơ sở, điều kiện của trách nhiệm hình sự và định hướng hoàn thiện*, Tạp chí Kiểm sát số 6/2020;

6. Trần Văn Độ, *Tội phạm và cấu thành tội phạm (chương VI, sách Tội phạm học, Luật Hình sự và Luật Tố tụng hình sự Việt Nam (Đào Trí Úc chủ biên)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994;

7. Nguyễn Ngọc Hòa, *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, Nxb. Tư pháp, 2015;

8. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn Giáo trình Quốc gia các môn khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Triết học Mác – Lênin (Tái bản có sửa chữa, bổ sung)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004;

9. Johannes Wessels/ Werner Beulke, Strafrecht Allgemeiner Teil, 44 Auflage, C.F. Müller Verlag Heidelberg, 2014;

10. Quốc hội, Văn bản hợp nhất số 17/VBHN/VPQH ngày 05/7/2019 hợp nhất Luật Thương mại số 36/2005/QH11;

11. Strafgesetzbuch, Verlag C.H. Beck oHG, 56. Auflage, München, 2018;

12. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam*, Tập 1, Nxb. Công an nhân dân, 2019;

13. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2019;

14. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Từ điển giải thích thuật ngữ luật học (Phần Luật hình sự)*, Nxb. Công an nhân dân, 2006;

15. Đào Trí Úc (Chủ biên), *Mô hình lý luận về Bộ luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993;

16. United Nations, Universal Declaration of Human Rights. Nguồn truy cập: https://www.un.org/en/universal-declaration-human-rights/;

17. Urs Kindhäuser, Strafrecht Allgemainer Teil, Nomos Verlagsgesellschaft, Baden-Baden, Germany, 7. Auflage, 2015;

18. V.I. Lênin, Toàn tập, Tập 29, Nxb. Tiến bộ, Matxcova, 1981;

19. Trịnh Tiến Việt, *Trách nhiệm hình sự và loại trừ trách nhiệm hình sự*, Nxb. Chính trị Quốc gia sự thật, 2019;

20. Volker Krey, Deutsches Strafrecht Allgemeiner Teil, Band 2, 3. Auflage, Verlag W. Kohlhammer 2008.